



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**



Thành viên hãng AGN International  
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International  
Audit | Tax | Advisory

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALÝ**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 27

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY

Xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Thị Thu Hà	Chủ tịch
Ông Bùi Xuân Hải	Thành viên
Bà Võ Thị Hà Giang	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Len	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Lê Trung Phi	Thành viên
Bà Mai Ngọc Liên	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Xuân Hải	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Bùi Xuân Hải - Tổng Giám đốc.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Bùi Xuân Hải**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 27 tháng 03 năm 2023

10/11/2023  
C  
X  
21  
C  
C  
XI  
S  
15/

Số: 032706/2023/BCKT-ICPA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc  
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã chi vượt Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.844.308.179 đồng từ các năm trước. Nếu Công ty hạch toán các khoản đã chi này vào kết quả kinh doanh của kỳ trước thì chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng Cân đối kế toán sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại thời điểm lập báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được biên bản đối chiếu cho các khoản công nợ phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải trả người bán, phải thu ngắn hạn khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với số tiền lần lượt là 42.675.414.840 đồng, 302.942.145 đồng, 5.499.083.068 đồng, 2.109.341.558 đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi cũng không cung cấp đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục công nợ nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi cho những khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán với số tiền 29.367.558.112 đồng. Nếu Công ty thực hiện trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi vào các năm trước thì trên báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi 29.367.558.112 đồng và chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" sẽ tăng lên số tiền tương ứng.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

### Vấn đề nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập trên giả định hoạt động liên tục. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31/12/2022 là 59.407.760.864 đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 35.374.603.112 đồng. Trong tổng tài sản ngắn hạn của Công ty có 46.464.581.747 đồng là nợ xấu. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc tăng cường công tác thu hồi công nợ trong tương lai, sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và sự cơ cấu lại nợ của các đối tác cho vay để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.



**Trần Thiện Thanh**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1932-2023-072-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)**

*Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023*

A blue ink signature of Đặng Thị Phương Thảo is written on the right side of the page.

**Đặng Thị Phương Thảo**

**Kiểm toán viên**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 5169-2020-072-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>41.657.763.746</b>	<b>40.819.753.995</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2.454.246.369</b>	<b>646.431.116</b>
1. Tiền	111		2.454.246.369	646.431.116
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.6</b>	<b>370.000.000</b>	<b>860.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.000.000.000	1.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(630.000.000)	(140.000.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>38.103.752.300</b>	<b>38.680.542.247</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	52.462.402.764	52.049.621.366
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		437.942.145	335.942.145
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	1.100.325.179
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	2.175.175.014	2.166.421.180
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(16.971.767.623)	(16.971.767.623)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>626.792.585</b>	<b>628.292.585</b>
1. Hàng tồn kho	141		642.357.702	643.857.702
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(15.565.117)	(15.565.117)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>102.972.492</b>	<b>4.488.047</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	18.469.201	4.488.047
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.678.091	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13a	81.825.200	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>35.318.689.564</b>	<b>35.987.316.849</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>195.325.427</b>	<b>195.325.427</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		195.325.427	195.325.427
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>568.135.781</b>	<b>768.109.069</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	568.135.781	768.109.069
- Nguyên giá	222		2.222.112.816	2.255.112.816
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.653.977.035)	(1.487.003.747)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>34.534.069.211</b>	<b>35.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	35.000.000.000	35.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.9	(465.930.789)	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>21.159.145</b>	<b>23.882.353</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	21.159.145	23.882.353
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>76.976.453.310</b>	<b>76.807.070.844</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>77.069.769.131</b>	<b>71.345.418.410</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>77.032.366.858</b>	<b>71.308.016.137</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	27.311.723.820	22.367.075.406
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.450.000	24.738.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13b	37.830.421	50.059.587
4. Phải trả người lao động	314		27.858.658	34.491.011
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	10.961.993.468	8.824.672.235
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11a	1.312.818.670	1.151.288.077
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	39.200.000.000	40.700.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(1.844.308.179)	(1.844.308.179)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>37.402.273</b>	<b>37.402.273</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.11b	37.402.273	37.402.273
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(93.315.821)</b>	<b>5.461.652.434</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>(93.315.821)</b>	<b>5.461.652.434</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(7.320.000)	(7.320.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.321.765.043	14.321.765.043
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(59.407.760.864)	(53.852.792.609)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(53.852.792.609)	(50.430.312.743)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(5.554.968.255)	(3.422.479.866)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>76.976.453.310</b>	<b>76.807.070.844</b>



Mai Ngọc Liên  
Người lập biểu



Mai Trung Kiên  
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải

Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		53.055.116.538	59.611.554.857
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>53.055.116.538</b>	<b>59.611.554.857</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	52.551.173.262	58.576.716.916
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>503.943.276</b>	<b>1.034.837.941</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19.265.440	2.771.485
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.563.252.022	3.155.499.484
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.607.321.233	3.704.667.973
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	1.206.439.874	1.295.985.771
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(5.246.483.180)</b>	<b>(3.413.875.829)</b>
11. Thu nhập khác	31		2.228.909	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	310.713.984	8.604.037
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(308.485.075)</b>	<b>(8.604.037)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(5.554.968.255)</b>	<b>(3.422.479.866)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(5.554.968.255)</b>	<b>(3.422.479.866)</b>

Mai Ngọc Liên  
Người lập biểu

Mai Trung Kiên  
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải

Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(5.554.968.255)</b>	<b>(3.422.479.866)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	192.823.288	48.687.816
Các khoản dự phòng	03	955.930.789	(560.000.000)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(15.154.434)	10.831.511
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.051.915)	(2.771.485)
Chi phí lãi vay	06	3.607.321.233	3.704.667.973
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ</b>	<b>08</b>	<b>(820.099.294)</b>	<b>(221.064.051)</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(592.884.089)	1.647.288.169
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	1.500.000	121.322.112
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	5.087.029.488	1.502.674.369
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(11.257.946)	(11.429.689)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.470.000.000)	(2.599.802.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.194.288.159</b>	<b>438.988.410</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	9.090.909	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.100.325.179	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.111.006	50.630.391
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.113.527.094</b>	<b>50.630.391</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.500.000.000)	(400.197.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.500.000.000)</b>	<b>(400.197.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>1.807.815.253</b>	<b>89.421.301</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>646.431.116</b>	<b>557.009.815</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>2.454.246.369</b>	<b>646.431.116</b>



**Mai Ngọc Liên**  
Người lập biểu



**Mai Trung Kiên**  
Kế toán trưởng



**Bùi Xuân Hải**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 03 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xi măng Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 936/QĐ-BXD ngày 03 tháng 07 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000019 ngày 22 tháng 7 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04 tháng 07 năm 2017 với mã số doanh nghiệp là 5900305243. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11, vốn điều lệ của Công ty là 45.000.000.000 đồng, tương ứng với số cổ phần là 4.500.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Theo Quyết định số 313/QĐ-SGDHN ngày 04 tháng 05 năm 2017, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly với mã chứng khoán SDY hủy niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 04 tháng 05 năm 2017.

Theo Quyết định số 395/QĐ-SGDHN ngày 02 tháng 06 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (mã chứng khoán SDY) được giao dịch tại sàn giao dịch chứng khoán UPCOM từ ngày 02 tháng 06 năm 2017.

**2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, sỏi, cát, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá vôi;

**3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Hiện nay Công ty có một (01) đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Xi nghiệp khai thác đá và một (01) Công ty con. Thông tin về Công ty con cụ thể như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công TNHH MTV Xi măng ELECEM	Huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	100%	100%	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

**5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

**6. Nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 6 người, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 6 người.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31/12/2022, lỗ lũy kế của Công ty là 59.407.760.864 đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 35.374.603.112 đồng. Trong tổng tài sản ngắn hạn của Công ty có 46.464.581.747 đồng là nợ xấu. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã xây dựng các kế hoạch để tăng cường khả năng thu hồi công nợ, tăng cường tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã làm việc với các nhà cung cấp và các đối tác cho vay để cơ cấu lại các khoản nợ đến hạn. Với các khoản đi vay, các đối tác cho vay đã tạo điều kiện gia hạn nợ cho Công ty hàng năm.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Đối với các chứng khoán hiện giao dịch trên sàn upcom, thuộc quản lý của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật) (chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

Máy móc thiết bị

Thiết bị dụng cụ quản lý

Năm

10

03 - 15

05

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu***Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:*

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ngoại tệ (Tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****1. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	12.424.427	12.722.836
Tiền gửi ngân hàng	2.441.821.942	633.708.280
<b>Cộng</b>	<b>2.454.246.369</b>	<b>646.431.116</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**

**2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	16.752.539.500	16.752.539.500
- Chi nhánh 307	14.775.996.860	14.775.996.860
- Văn phòng Công ty	1.976.542.640	1.976.542.640
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	2.571.916.274	2.571.916.274
- Chi nhánh 603	1.886.039.137	1.886.039.137
- Văn phòng Công ty	685.877.137	685.877.137
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	10.152.103.031	10.152.103.031
Xi nghiệp Sông Đà 11.5 Thăng Long	4.092.212.947	4.092.212.947
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh	4.218.302.048	3.577.550.834
Chi nhánh Công ty TNHH SCG International Việt Nam tại Đà Nẵng	3.915.245.273	3.344.728.970
Các khoản phải thu khách hàng khác	10.760.083.691	11.558.569.810
<b>Cộng</b>	<b>52.462.402.764</b>	<b>52.049.621.366</b>

**3. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	34.974.836	14.302.993
Phải thu khác	2.140.200.178	2.152.118.187
<b>Cộng</b>	<b>2.175.175.014</b>	<b>2.166.421.180</b>

**4. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	251.917.511	(15.565.117)	251.917.511	(15.565.117)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	390.440.191	-	390.440.191	-
Hàng hóa	-	-	1.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>642.357.702</b>	<b>(15.565.117)</b>	<b>643.857.702</b>	<b>(15.565.117)</b>

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí bảo hiểm	2.992.032	4.488.047
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.574.074	-
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	3.903.095	-
<b>Cộng</b>	<b>18.469.201</b>	<b>4.488.047</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Các khoản khác	21.159.145	23.882.353
<b>Cộng</b>	<b>21.159.145</b>	<b>23.882.353</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu SD3 (100.000 CP)	1.000.000.000	370.000.000	630.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>370.000.000</b>	<b>630.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
				<b>140.000.000</b>
				<b>140.000.000</b>

Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá chứng khoán thực tế trên thị trường. Đối với các chứng khoán hiện giao dịch trên sàn upcom, thuộc quản lý của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

**7. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>44.052.298.044</b>	<b>29.250.242.183</b>	<b>15.172.944.832</b>	<b>36.585.385.881</b>
- Chi nhánh Sông Đà 3.07 - Công ty CP Sông Đà 3	14.775.996.860	14.775.996.860	-	14.775.996.860
- Ban điều hành dự án Thủy điện Xekaman 3	10.152.103.031	-	10.152.103.031	10.152.103.031
- Xi nghiệp Sông Đà 11-5 Thăng Long	4.092.212.947	4.092.212.947	-	4.092.212.947
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 17	1.680.971.155	1.680.971.155	-	1.680.971.155
- Công ty Cổ phần Sông Đà 6	685.877.137	68.325.023	617.552.114	685.877.137
- Các đối tượng khác	12.665.136.914	8.632.736.198	4.403.289.687	5.198.224.751
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>302.942.145</b>	<b>202.942.145</b>	<b>100.000.000</b>	<b>250.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Hoạt động Khoáng sản	280.000.000	180.000.000	100.000.000	250.000.000
- Các đối tượng khác	22.942.145	22.942.145	-	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>2.109.341.558</b>	<b>39.629.796</b>	<b>1.698.822.791</b>	<b>1.841.360.551</b>
- Vũ Văn Bàu	516.993.815	-	516.993.815	516.993.815
- Nguyễn Xuân Toàn	109.601.873	-	109.601.873	109.601.873
- Các đối tượng khác	1.482.745.870	39.629.796	1.072.227.103	1.214.764.863
<b>Cộng</b>	<b>46.464.581.747</b>	<b>29.492.814.124</b>	<b>16.971.767.623</b>	<b>38.676.746.432</b>
				<b>21.704.978.809</b>
				<b>16.971.767.623</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
Số dư đầu năm	1.801.234.634		420.878.182		33.000.000		2.255.112.816
Thanh lý, nhượng bán	-		-		(33.000.000)		(33.000.000)
Số dư cuối năm	1.801.234.634		420.878.182		-		2.222.112.816
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Số dư đầu năm	1.236.613.441		234.990.306		15.400.000		1.487.003.747
Khấu hao trong năm	146.885.472		42.087.816		3.850.000		192.823.288
Phân loại lại	(6.600.000)		-		6.600.000		-
Thanh lý, nhượng bán	-		-		(25.850.000)		(25.850.000)
Số dư cuối năm	1.376.898.913		277.078.122		-		1.653.977.035
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại ngày đầu năm	564.621.193		185.887.876		17.600.000		768.109.069
Tại ngày cuối năm	424.335.721		143.800.060		-		568.135.781

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 1.066.807.361 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 1.066.807.361 đồng).

**9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND
	100%	35.000.000.000	100%	35.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM		465.930.789		-
<b>Cộng</b>		<b>35.000.000.000</b>		<b>35.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay phải trả	10.527.849.985	8.390.528.752
Trích trước chi phí mua phụ gia	401.854.636	401.854.636
Các khoản chi phí phải trả khác	32.288.847	32.288.847
<b>Cộng</b>	<b>10.961.993.468</b>	<b>8.824.672.235</b>
Trong đó: Phải trả là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)	<b>10.429.099.985</b>	<b>7.594.995.473</b>

**11. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Tiền thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng Quản trị	1.224.500.000	1.066.000.000
Phải trả khác	88.318.670	85.288.077
<b>Cộng</b>	<b>1.312.818.670</b>	<b>1.151.288.077</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	37.402.273	37.402.273
<b>Cộng</b>	<b>37.402.273</b>	<b>37.402.273</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Chế biến và Kinh doanh Than Xuân Phú	4.512.226.140	4.512.226.140	4.683.497.594	4.683.497.594
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	17.300.414.612	17.300.414.612	12.084.494.744	12.084.494.744
Doanh nghiệp tư nhân Minh Tuấn	927.832.000	927.832.000	927.832.000	927.832.000
Phải trả nhà cung cấp khác	4.571.251.068	4.571.251.068	4.671.251.068	4.671.251.068
<b>Cộng</b>	<b>27.311.723.820</b>	<b>27.311.723.820</b>	<b>22.367.075.406</b>	<b>22.367.075.406</b>
<b>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)</b>	<b>17.300.414.612</b>	<b>17.300.414.612</b>	<b>12.084.494.744</b>	<b>12.084.494.744</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm		Số đã thực trả, bù trừ trong năm		Số phải nộp trong năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>								
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	81.825.200	81.825.200	81.825.200	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>81.825.200</b>	<b>81.825.200</b>	<b>81.825.200</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>b) Các khoản phải nộp</b>								
Thuế giá trị gia tăng	-	4.358.274.225	4.358.274.225	4.346.045.059	4.346.045.059	12.229.166	12.229.166	
Thuế thu nhập cá nhân	37.830.421	13.650.000	13.650.000	13.650.000	13.650.000	37.830.421	37.830.421	
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	92.001.388	92.001.388	92.001.388	92.001.388	-	-	
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000	-	-	
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	3.770.700	3.770.700	3.770.700	3.770.700	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>37.830.421</b>	<b>4.471.696.313</b>	<b>4.471.696.313</b>	<b>4.459.467.147</b>	<b>4.459.467.147</b>	<b>50.059.587</b>	<b>50.059.587</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Bà Trần Thị Kim Thoa (i)	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital (ii)	36.200.000.000	36.200.000.000	-	300.000.000	36.500.000.000	36.500.000.000
<b>Cộng vay ngắn hạn</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>4.200.000.000</b>	<b>4.200.000.000</b>
	<b>39.200.000.000</b>	<b>39.200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>40.700.000.000</b>	<b>40.700.000.000</b>

(i) Khoản vay cá nhân của bà Trần Thị Kim Thoa theo các hợp đồng vay vốn cụ thể. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn các khoản vay là 12 tháng kể từ ngày nhận được khoản vay. Theo các phụ lục hợp đồng được ký kết trong năm 2022, khoản vay được gia hạn hoàn trả đến năm 2023. Lãi suất vay vốn hiện tại là 9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản vay với Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital (trước đó là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện) theo các hợp đồng vay vốn nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 11%/năm (từ ngày 22/08/2019 là 9%/năm). Các khoản vay được đảm bảo bằng hình thức tin chấp. Bao gồm các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay vốn số 1107/HĐVV-PTIC-SDY ngày 11 tháng 07 năm 2017 và các phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng số 1107/HĐVV-PTIC-SDY với tổng số tiền vay tối đa 5.880.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày Công ty nhận được khoản vay theo từng đợt. Tiền gốc và lãi được hoàn trả vào ngày kết thúc thời hạn vay hoặc một ngày khác sớm hơn nếu hai bên có thỏa thuận khác. Phụ lục hợp đồng năm 2022 gia hạn thời gian vay nợ đến 11/07/2023.

- Hợp đồng vay vốn số 1412/PTIC-SDY ngày 14 tháng 12 năm 2017 và các phụ lục kèm theo với số tiền vay là 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày Công ty nhận được khoản vay theo từng đợt. Tiền gốc và lãi được hoàn trả vào ngày kết thúc thời hạn vay hoặc một ngày khác sớm hơn nếu hai bên có thỏa thuận khác. Phụ lục hợp đồng năm 2022 gia hạn thời gian vay nợ đến 14/12/2023.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của Chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	(7.320.000)	14.321.765.043	(50.430.312.743)	8.884.132.300
Lỗ trong năm	-	-	-	(3.422.479.866)	(3.422.479.866)
Số dư đầu năm nay	45.000.000.000	(7.320.000)	14.321.765.043	(53.852.792.609)	5.461.652.434
Lỗ trong năm	-	-	-	(5.554.968.255)	(5.554.968.255)
Số dư cuối năm nay	45.000.000.000	(7.320.000)	14.321.765.043	(59.407.760.864)	(93.315.821)

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Trần Anh Minh	10.000.000.000	10.000.000.000
Bà Trịnh Thị Thủy	10.000.000.000	10.000.000.000
Ông Trần Hạnh Nguyễn	8.055.000.000	8.055.000.000
Ông Trần Quang Huy	4.071.000.000	4.071.000.000
Bà Trần Thị Kim Thoa	2.950.000.000	2.950.000.000
Cổ đông khác	9.924.000.000	9.924.000.000
<b>Cộng</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>45.000.000.000</b>

**c) Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về báo cáo bộ phận trên lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	53.055.116.538	59.611.554.857
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	53.055.116.538	59.509.282.131
Doanh thu bán thành phẩm	-	102.272.726
<b>Cộng</b>	<b>53.055.116.538</b>	<b>59.611.554.857</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	52.551.173.262	58.455.394.804
Giá vốn bán thành phẩm	-	105.756.995
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	15.565.117
<b>Cộng</b>	<b>52.551.173.262</b>	<b>58.576.716.916</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	4.111.006	2.771.485
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.154.434	-
<b>Cộng</b>	<b>19.265.440</b>	<b>2.771.485</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	3.607.321.233	3.704.667.973
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh	490.000.000	(560.000.000)
Dự phòng khoản đầu tư vào Công ty con	465.930.789	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	10.831.511
<b>Cộng</b>	<b>4.563.252.022</b>	<b>3.155.499.484</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	519.025.223	468.674.300
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	47.464.664	24.081.148
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.850.000	-
Thuế, phí và lệ phí	44.233.828	103.499.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	479.522.404	642.881.716
Chi phí bằng tiền khác	112.343.755	56.848.661
<b>Cộng</b>	<b>1.206.439.874</b>	<b>1.295.985.771</b>

**6. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt	163.821.460	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	146.885.472	-
Các khoản khác	7.052	8.604.037
<b>Cộng</b>	<b>310.713.984</b>	<b>8.604.037</b>

**7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.554.968.255)	(3.422.479.866)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	4.021.924.211	3.422.479.866
Các khoản điều chỉnh tăng	4.021.924.211	3.609.197.982
- Phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế	163.821.460	-
- Lãi vay loại trừ	3.603.210.227	3.600.883.945
- Chi phí loại trừ khác	254.892.524	8.314.037
Các khoản điều chỉnh giảm	-	186.718.116
- Chuyển lỗ năm trước	-	186.718.116
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất	20%	20%
- Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

**8. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.464.664	26.918.456
Chi phí nhân công	519.025.223	468.674.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.937.816	48.687.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.987.107.850	59.046.751.396
Chi phí khác bằng tiền	156.577.583	160.348.607
Chi phí dự phòng	-	15.565.117
<b>Cộng</b>	<b>53.756.113.136</b>	<b>59.766.945.692</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh sách các bên liên quan:***Bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM  
 Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital

Bà Phạm Thị Thu Hà  
 Ông Bùi Xuân Hải  
 Ông Trần Anh Minh  
 Bà Trịnh Thị Thúy  
 Bà Trần Thị Hạnh Nguyên  
 Ông Trần Quang Huy  
 Bà Trần Thị Kim Thoa  
 Các thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc

**Mối quan hệ**

Công ty con  
 Công ty có cùng thành viên quản lý  
 chủ chốt  
 Chủ tịch HĐQT  
 Tổng Giám đốc  
 Cổ đông lớn  
 Cổ đông lớn  
 Cổ đông lớn  
 Cổ đông lớn  
 Cổ đông lớn

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Bán hàng</b>	<b>141.818.182</b>	<b>370.909.091</b>
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	141.818.182	370.909.091
<b>Mua hàng</b>	<b>33.073.011.404</b>	<b>36.159.669.811</b>
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	33.073.011.404	36.159.669.811
<b>Trả nợ gốc vay</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>400.197.500</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	1.200.000.000	400.197.500
Bà Trần Thị Kim Thoa	300.000.000	-
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>3.607.321.233</b>	<b>4.154.667.975</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	336.450.000	419.667.973
Bà Trần Thị Kim Thoa	3.270.871.233	3.735.000.002

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>17.300.414.612</b>	<b>9.968.716.858</b>
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	17.300.414.612	12.084.494.744
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>10.429.099.985</b>	<b>7.594.995.473</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	5.443.886.286	6.407.436.286
Bà Trần Thị Kim Thoa	4.985.213.699	1.884.342.466
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>39.200.000.000</b>	<b>41.100.197.500</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	3.000.000.000	4.200.000.000
Bà Trần Thị Kim Thoa	36.200.000.000	36.500.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm nay VND
Ông Bùi Xuân Hải	64.544.963	52.844.382
Ông Nguyễn Việt Tùng (miễn nhiệm ngày 01/07/2021)	-	7.288.563
Bà Phạm Thị Thu Hà	36.000.000	36.000.000
Bà Võ Thị Hà Giang	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung Phi	12.000.000	12.000.000
Bà Trần Thị Len	36.000.000	36.000.000
Bà Mai Ngọc Liên	30.534.815	20.963.550
Ông Phạm Văn Giang	12.000.000	12.000.000
<b>Cộng</b>	<b>227.079.778</b>	<b>213.096.495</b>

**2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.


Mai Ngọc Liên  
Người lập biểu

Mai Trung Kiên  
Kế toán trưởng

Bùi Xuân Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 03 năm 2023